

# BẢN TIN CẬP NHẬT VĂN BẢN

Tháng 01/2025





## NỘI DUNG BẢN TIN THÁNG 01/2025

Page

Nghị định số 175/2024/NĐ-CP quy định về quản lý hoạt động xây dựng từ ngày 30/12/2024 .	2
Nghị định số 182/2024/NĐ-CP quy định về điều kiện hỗ trợ chi phí và mức hỗ trợ chi phí của Quỹ Hỗ trợ đầu tư đối với doanh nghiệp công nghệ cao từ 31/12/2024.	3
Thông tư 28/2024/TT-BCT quy định về định mức sử dụng năng lượng từ 01/04/2025 của ngành sản xuất bia và đồ uống không cồn.	4
Thông tư số 29/2024/TT BCT quy định về định mức sử dụng năng lượng áp dụng cho ngành sản xuất nhựa kể từ 1/4/2025.	4
Công văn số 8195/CTBGI-TTHT về bù trừ lỗ hoạt động kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế và thu nhập chịu thuế của các hoạt động khác có thu nhập.	4
Công văn số 4917/TCT-DNNCN về Thuế TNCN của cá nhân thuộc diện trực tiếp quyết toán thuế.	5
Những điểm mới trong luật Thuế GTGT số hiệu 48/2024/QH15 .	5 - 6
Nghị định số 180/2024/NĐ-CP về việc giảm 2% thuế GTGT 6 tháng đầu năm 2025.	7
Thông tư số 86/2024/TT-BTC quy định về đăng ký thuế: mã số thuế được thay bằng mã định danh kể từ 1/7/2025.	7
Công văn số 8102/CTBGI-TTHT về chính sách thuế đối với xuất hóa đơn khi chuyển nhượng quyền thuê đất cho chi nhánh và nộp hồ sơ hoàn thuế GTGT.	8
Công văn số 6279/TCT-CS quy định về tiền thuê đất tính lại theo luật mới phải nộp thêm khoản bổ sung.	8
Công văn số 6060/TCHQ-TXNK về thông báo thuế đối với trường hợp doanh nghiệp bỏ trốn, không nộp báo cáo quyết toán.	8
Công văn số 5517/TCHQ-TXNK về các lưu ý khi đề nghị hoàn thuế cho hàng nhập kinh doanh đưa vào sản xuất xuất khẩu.	9
Công văn số 5302/TCHQ-GSQL về hướng dẫn đối với việc ghi nhãn hàng hóa xuất khẩu.	9
Công văn số 5177/TCHQ-GSQL về hướng dẫn về áp dụng thuế nhập khẩu đối với hàng hóa gửi kho ngoại quan tái nhập khẩu nội địa.	9
Luật số 51/2024/QH15 về việc sửa đổi về bảo hiểm y tế, áp dụng từ 1/7/2025.	10
Luật số 50/2024/QH15 quy định về người lao động nước ngoài được gia nhập Công đoàn Việt Nam.	10



Ngày 30/12/2024 Chính phủ ban hành Nghị định số 175/2024/NĐ-CP về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng đối với quản lý hoạt động xây dựng, theo đó:

- Phân cấp cho các địa phương thực hiện:

+ Thực hiện sát hạch, cấp chứng chỉ hành nghề hạng I (trước đây thuộc thẩm của cơ quan chuyên môn trực thuộc Bộ Xây dựng).

+ Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và kiểm tra công tác nghiệm thu. Chỉ những dự án có công trình đặc biệt, phức tạp hoặc chưa có quy chuẩn, tiêu chuẩn mới thuộc thẩm quyền của các Bộ chuyên ngành.

- Loại bỏ yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề đối với một số lĩnh vực: thiết kế, thẩm tra thiết kế sơ bộ được lập trong Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, công trình chiếu sáng công cộng, ...

- Mở rộng đối tượng dự án chỉ cần lập báo cáo kinh tế kỹ thuật (tăng mức tổng đầu tư từ 15 tỉ đồng lên 20 tỉ đồng).

- Bổ yêu cầu cung cấp các giấy tờ, thông tin có trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng, hệ thống thông tin về đất đai khi các thông tin, dữ liệu này đã được cập nhật hoặc kết nối chia sẻ.

- Loại bỏ một số trường hợp yêu cầu phải có chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng: thiết kế, thẩm tra thiết kế sơ bộ được lập trong Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thực hiện các dịch vụ kiến trúc theo pháp luật về kiến trúc,.... Gộp một số lĩnh vực chứng chỉ hành nghề không yêu cầu chuyên môn chuyên biệt (quản lý dự án, giám sát xây dựng,...).

- Kéo dài hiệu lực chứng chỉ hành nghề cá nhân từ 05 năm lên 10 năm.

- Đẩy mạnh việc áp dụng hệ thống thông tin công trình (BIM): Áp dụng đối với dự án có quy mô từ nhóm B trở lên ở thời điểm bắt đầu chuẩn bị dự án và chỉ yêu cầu áp dụng đối với công trình xây dựng mới từ cấp II trở lên thuộc dự án.

- Bổ sung quy định về các loại quy hoạch hoặc văn bản pháp lý tương đương được sử dụng làm cơ sở lập dự án, đồng thời là cơ sở cấp giấy phép xây

- Bổ sung quy định về công trình ngầm, tầng hầm của công trình xây dựng đồng bộ với quy định của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

- Bổ sung quy định về hồ sơ, nội dung, tiêu chí thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở, đồng bộ với Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, pháp luật về lâm nghiệp, phòng cháy chữa cháy.

- Hệ thống hóa các loại giấy tờ hợp pháp đất đai làm cơ sở cấp giấy phép xây dựng, đồng bộ với Luật và các Nghị định về đất đai mới ban hành.

- Nghị định này có hiệu lực từ ngày 30/12/2024 và thay thế cho Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021

[Download](#)

## BẢN TIN THÁNG 01/2025

Ngày 31/12/2024 Chính phủ ban hành Nghị định số 182/2024/NĐ-CP quy định về thành lập, quản lý và sử dụng quỹ hỗ trợ đầu tư, theo đó:

- Điều kiện hỗ trợ chi phí của Quỹ Hỗ trợ đầu tư đối với doanh nghiệp công nghệ cao từ 31/12/2024:

+ Doanh nghiệp công nghệ cao hoặc doanh nghiệp có dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao có dự án đầu tư với quy mô vốn tối thiểu 12.000 tỷ đồng hoặc đạt doanh thu của dự án tối thiểu 20.000 tỷ đồng/năm;

+ Doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp có dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp chip, mạch tích hợp bán dẫn, trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo có quy mô vốn của dự án tối thiểu 6.000 tỷ đồng hoặc đạt doanh thu của dự án tối thiểu 10.000 tỷ đồng/năm;

+ Doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp có dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao mà công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao thuộc Danh mục công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao đột phá được ưu tiên nghiên cứu, phát triển do Thủ

tướng Chính phủ ban hành thì không phải đáp ứng tiêu chí về quy mô vốn hoặc doanh thu quy định tại Nghị định 182/2024/NĐ-CP;

+ Doanh nghiệp có dự án thiết kế vi mạch thì không phải đáp ứng tiêu chí về quy mô vốn hoặc doanh thu quy định tại Nghị định 182/2024/NĐ-CP nhưng phải có cam kết sử dụng tối thiểu 300 kỹ sư, cán bộ quản lý người Việt Nam sau thời gian 5 năm hoạt động tại Việt Nam và hằng năm hỗ trợ Việt Nam đào tạo được tối thiểu 30 kỹ sư chất lượng cao trong lĩnh vực thiết kế vi mạch.

+ Doanh nghiệp có dự án đầu tư trung tâm nghiên cứu và phát triển có vốn đầu tư tối thiểu 3.000 tỷ đồng và phải hoàn thành giải ngân tối thiểu 1.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm

- Mức hỗ trợ hàng năm:

+ Doanh nghiệp có dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao:

❖ Phần chi phí nghiên cứu và phát triển: đến 120 tỷ là 1%, từ 120 tỷ đến 240 tỷ là 2% và trên 240 tỷ là 3%;

❖ Chi phí đầu tư tạo tài sản cố định: 120 tỷ đầu là 1%, từ 120 tỷ đến 240 tỷ là 2% và trên 240 tỷ là 3%;

❖ Chi phí sản xuất sản phẩm công nghệ cao: mức hỗ trợ chung là 0,5%, mức hỗ trợ đặc biệt 1% nếu dự án có doanh thu 200.000 tỷ đồng, nhân lực 10.000 người và tỷ lệ giá trị sản xuất gia tăng của sản phẩm CNC đạt 30%.

+ Doanh nghiệp công nghệ cao hoặc có dự án ứng dụng công nghệ cao:

❖ Chi phí đào tạo phát triển nguồn lực: 50% chi phí phát sinh

❖ Phần chi phí nghiên cứu và phát triển: đến 120 tỷ là 20%, từ 120 tỷ đến 240 tỷ là 25% và trên 240 tỷ là 30%;

❖ Chi phí đầu tư tạo tài sản cố định: 120 tỷ đầu là 8%, từ 120 tỷ đến 240 tỷ là 9% và trên 240 tỷ là 10%;

❖ Chi phí sản xuất sản phẩm công nghệ cao: mức hỗ trợ chung là 1%, mức hỗ trợ đặc biệt 3% nếu dự án có doanh thu 200.000 tỷ đồng, nhân lực 10.000 người và tỷ lệ giá trị sản xuất gia tăng đạt 30% hoặc dự án trong lĩnh vực chip, bán dẫn, trung tâm trí tuệ nhân tạo.

+ Doanh nghiệp có dự án đầu tư trung tâm nghiên cứu và phát triển:

❖ Phần chi phí nghiên cứu và phát triển: đến 120 tỷ là 10%, từ 120 tỷ đến 240 tỷ là 15% và trên 240 tỷ là 20%.

- Mức hỗ trợ chi phí đầu tư ban đầu: được hỗ trợ tối đa 50% chi phí đầu tư ban đầu của dự án.

- Thời điểm chi phí được hỗ trợ:

+ Hỗ trợ chi phí áp dụng từ năm tài chính đầu tiên phát sinh doanh thu, đồng thời phát sinh chi phí được hỗ trợ

+ Đối với năm đầu tiên được cấp Giấy chứng nhận CNC: chi phí được hỗ trợ là chi phí phát sinh trong cả năm tài chính đó.

- Giai đoạn hỗ trợ: được hỗ trợ tối đa 05 năm, trường hợp kéo dài thêm theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Thời gian nộp hồ sơ: nộp trước ngày 10 tháng 7 năm liền tiếp theo năm tài chính đề nghị hỗ trợ.

[Download](#)

Ngày 25/12/2024 Bộ Công Thương ban hành Thông tư 28/2024/TT-BCT quy định định mức sử dụng năng lượng trong ngành công nghiệp sản xuất bia và đồ uống không cồn, theo đó:

- Phương pháp xác định mức sử dụng năng lượng trong sản xuất đối với bia được quy định tại Phụ lục I, đối với đồ uống không cồn được quy định tại Phụ lục II;

- Đối với định mức sử dụng năng lượng theo quy định tại Điều 5 Thông tư này đối với:

+ Các cơ sở sản xuất bia (bia các loại) nếu có quy mô sản xuất lớn hơn 5 triệu lít/năm

+ Đối với cơ sở sản xuất đồ uống không cồn có ga hoặc cả hai loại có ga và không có ga, nếu có quy mô sản xuất lớn hơn 20 triệu lít/năm;

+ Đối với cơ sở sản xuất đồ uống không cồn không có ga, nếu có quy mô sản xuất lớn hơn 10 triệu lít/năm.

- Ngoài ra, Thông tư này quy định về chế độ báo cáo trong ngành công nghiệp sản xuất bia và đồ uống không cồn.

- Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/04/2025 và thay thế Thông tư số 19/2016/TT-BCT ngày 14/09/2016.

[Download](#)

Ngày 25/12/2024 Bộ Công Thương ban hành Thông tư số 29/2024/TT-BCT về quy định định mức sử dụng năng lượng trong ngành công nghiệp sản xuất nhựa, theo đó:

- Đối tượng áp dụng: các cơ sở sản xuất các sản phẩm nhựa bao gói, nhựa vật liệu xây dựng, nhựa gia dụng, nhựa kỹ thuật có mức sử dụng điện từ 3 triệu kWh/năm trở lên.

- Mức sử dụng năng lượng trong ngành công nghiệp sản xuất nhựa được xác định theo phương pháp quy định tại Phụ lục I Thông tư này.

- Định mức sử dụng năng lượng áp dụng trong ngành sản xuất sản phẩm nhựa như sau: từ 0,62 - 1,45 kWh/kg (với cơ sở sản xuất nhựa bao gói); từ 0,35 - 0,58 kWh/kg (với cơ sở sản xuất nhựa vật liệu xây dựng) và 1,0 kWh/kg (với cơ sở sản xuất nhựa kỹ thuật).

- Trước ngày 31/01 hàng năm, các cơ sở sản xuất sản phẩm nhựa có trách nhiệm báo cáo Sở Công Thương địa phương về tình hình thực hiện định mức sử dụng năng lượng theo mẫu quy định tại Phụ lục III Thông tư này.

- Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/04/2025 và thay thế Thông tư số 38/2016/TT-BCT ngày 28/12/2016

[Download](#)

Ngày 27/11/2024 Cục Thuế tỉnh Bắc Giang ban hành Công văn số 8195/CTBGI-TTHT về việc bù trừ thuế TNDN, theo đó:

- Trường hợp công ty có dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") do đáp ứng điều kiện về lĩnh vực ưu đãi đầu tư nhưng hoạt động kinh doanh này bị lỗ thì công ty được bù trừ số lỗ này vào thu nhập chịu thuế của các hoạt động kinh doanh khác có thu nhập do Công ty lựa chọn theo quy định theo khoản 9, Điều 18, Thông tư số 78/2014/TT-BTC.

- Trường hợp công ty phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai, sót thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế theo quy định tại Điều 47 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và khoản 4 điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.

[Download](#)

## BẢN TIN THÁNG 01/2025

Ngày 30/10/2024 Tổng cục Thuế ban hành Công văn số 4917/TCT-DNNCN về chính sách thuế TNCN, theo đó:

Nếu cá nhân đã ủy quyền cho công ty quyết toán thuế thay nhưng sau đó phát hiện cá nhân này thuộc diện trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan Thuế thì công ty không điều chỉnh lại quyết toán thuế TNCN. Thay vào đó, công ty cấp chứng từ khấu trừ thuế để cá nhân thực hiện quyết toán thuế theo quy định.

Download



Ngày 26/11/2024 Quốc hội đã thông qua Luật Thuế GTGT số hiệu 48/2024/QH15 có hiệu lực từ ngày ngày 1 tháng 7 năm 2025 theo đó một số điểm thay đổi đáng chú ý như sau:

- Bổ sung quy định về người nộp thuế người nộp thuế đối với hoạt động TMDT:

+ Nhà cung cấp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số với tổ chức, cá nhân ở Việt Nam;

+ Tổ chức là nhà quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử, nhà quản lý nền tảng số có chức năng thanh toán thực hiện khấu trừ, nộp thuế thay, kê khai số thuế đã khấu trừ cho hộ, cá nhân kinh doanh trên sàn thương mại điện tử, nền tảng số.

- Sửa đổi, bổ sung các điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào:

+ Bổ quy định về mức giá trị hóa đơn tối thiểu bắt buộc phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt, theo đó chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt là điều kiện bắt buộc để khấu trừ thuế GTGT đầu vào cho tất cả hàng hóa, dịch vụ mua vào trừ một số trường hợp đặc thù do Chính phủ quy định.

+ Bổ sung chứng từ là điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào cho hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu: phiếu đóng gói, vận đơn, chứng từ bảo hiểm hàng hóa (nếu có).

- Trường hợp phát hiện số thuế GTGT đầu vào khấu trừ bị sai, sót, người nộp thuế được khai bổ sung trước khi cơ quan Thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế theo hai tình huống như sau:

+ Người nộp thuế thực hiện kê khai, khấu trừ vào kỳ tính thuế phát sinh số thuế giá trị gia tăng đầu vào bị sai, sót nếu việc khai bổ sung vào kỳ tính thuế phát sinh số thuế GTGT đầu vào bị sai, sót làm tăng số thuế phải nộp hoặc giảm số thuế được hoàn;

+ Người nộp thuế thực hiện kê khai, khấu trừ vào kỳ tính thuế phát hiện sai, sót nếu việc khai bổ sung vào kỳ tính thuế phát sinh thuế giá trị gia tăng đầu vào bị sai, sót làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc chỉ làm tăng hoặc giảm số thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ chuyển sang kỳ sau.

- Tăng ngưỡng doanh thu miễn thuế GTGT cho hộ, cá nhân kinh doanh lên 200 triệu đồng trở xuống ( có hiệu lực từ 01/01/2026)

- Thay đổi thuế suất thuế GTGT áp dụng cho hàng hóa, dịch vụ:

+ Bổ sung đối tượng không chịu thuế GTGT: thực phẩm tươi sống chưa qua chế biến hoặc chỉ qua sơ chế của tổ chức cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra, hàng hóa nhập khẩu của công ty cho thuê tài chính để cho doanh nghiệp trong khu phi thuế quan thuê tài chính, các hàng hóa khác: hàng ủng hộ thiên tai, chiến tranh,...

+ Chuyển từ đối tượng không chịu thuế GTGT, không kê khai tính nộp thành đối tượng chịu thuế GTGT 5%: Phân bón, Tàu khai thác thủy sản tại vùng khơi, vùng biên; máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp; Doanh nghiệp, hợp tác xã mua sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã khác (ở khâu kinh doanh thương mại).

+ Chuyển từ đối tượng không chịu thuế GTGT thành đối tượng chịu thuế GTGT 10%: lưu lý chứng khoán, hoạt động chứng khoán khác, dịch vụ bưu chính, viễn thông công ích và internet phổ cập theo chương trình của chính phủ; dịch vụ duy trì vườn thú, vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng.

Ngày 26/11/2024 Quốc hội đã thông qua Luật Thuế GTGT số hiệu 48/2024/QH15 có hiệu lực từ ngày ngày 1 tháng 7 năm 2025 theo đó một số điểm thay đổi đáng chú ý như sau (Tiếp):

+ Bỏ một số trường hợp thuộc đối tượng chịu thuế GTGT 5%: nhựa thông sơ chế, lâm sản chưa qua chế biến, đường, phụ phẩm trong sản xuất đường, bao gồm gỉ đường, bã mía, bã bùn, hoạt động văn hóa, triển lãm, thể dục, thể thao; sản xuất phim; nhập khẩu, phát hành và chiếu phim.

- Sửa đổi định nghĩa về hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu được áp dụng thuế suất GTGT 0%

- Bổ sung trường hợp được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%: hàng hóa đã bán tại khu vực cách ly cho cá nhân (người nước ngoài hoặc người Việt Nam) đã làm thủ tục xuất cảnh.

- Bổ sung trường hợp hoàn thuế GTGT cho hoạt động sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%:

+ Nếu cơ sở kinh doanh chỉ sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5% và có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên sau 12 tháng liên tục hoặc 04 quý liên tục thì được hoàn thuế giá trị gia tăng;

+ Nếu cơ sở kinh doanh áp dụng nhiều mức thuế suất thuế GTGT khác nhau thì được hoàn thuế theo tỷ lệ phân bổ do Chính phủ quy định.

- Sửa đổi quy định về hoàn thuế GTGT cho hoạt động xuất khẩu:

+ Không áp dụng hoàn thuế GTGT với trường hợp hàng hóa đã nhập khẩu sau đó xuất khẩu sang nước khác;

+ Làm rõ cách xác định tỷ lệ phân bổ số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu trong trường hợp không hạch toán riêng được thuế GTGT đầu vào cho hoạt động xuất khẩu và tiêu thụ nội địa, cụ thể: theo tỷ lệ giữa doanh thu của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu trên tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ chịu thuế của kỳ hoàn thuế;

+ Làm rõ chính sách hoàn thuế GTGT đối với số thuế GTGT đầu vào được xác định cho hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nhưng chưa được hoàn do vượt quá 10% doanh thu của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu của kỳ trước được khấu trừ vào kỳ tiếp theo để xác định số thuế GTGT được hoàn cho hoạt động xuất khẩu của kỳ tiếp theo.

- Sửa đổi quy định về hoàn thuế GTGT cho hoạt động đầu tư:

+ Dự án đầu tư xét hoàn thuế có bao gồm trường hợp dự án đầu tư mở rộng;

+ Bổ sung thời hạn 01 năm phải nộp hồ sơ hoàn thuế kể từ ngày dự án đầu tư hoặc giai đoạn đầu tư hoàn thành;

+ Làm rõ ngày xác định dự án đầu tư hoặc giai đoạn đầu tư hoàn thành là ngày phát sinh doanh thu của dự án đầu tư hoặc giai đoạn đầu tư, không bao gồm doanh thu từ giai đoạn chạy thử, doanh thu hoạt động tài chính và thanh lý nguyên vật liệu của dự án đầu tư.

- Bỏ quy định về hoàn thuế GTGT đối với trường hợp doanh nghiệp chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chấm dứt hoạt động (trừ trường hợp giải thể, phá sản).

- Bổ sung thêm điều kiện chung về hoàn thuế GTGT: Người bán đã kê khai, nộp thuế GTGT theo quy định đối với hóa đơn đã xuất cho cơ sở kinh doanh là bên đề nghị hoàn thuế.

- Luật hóa các hành vi bị nghiêm cấm trong khấu trừ, hoàn thuế GTGT (Điều 13).

Download



## BẢN TIN THÁNG 01/2025

Ngày 31/12/2024 Chính phủ ban hành Nghị định số 180/2024/NĐ-CP về việc giảm thuế giá trị gia tăng (GTGT) 6 tháng đầu năm 2025, theo đó:

- Những hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế GTGT 10% sẽ tiếp tục được giảm 2% thuế GTGT (áp dụng thuế suất 8%) trong 6 tháng đầu năm 2025, trừ hàng hóa, dịch vụ quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III Nghị định này gồm:

+ Viễn thông, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, kim loại và sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, sản phẩm khai khoáng (không kể khai thác than), than cốc, dầu mỏ tinh chế, sản phẩm hóa chất (chi tiết tại Phụ lục I).

+ Sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (chi tiết tại Phụ lục II).

+ Công nghệ thông tin theo pháp luật về công nghệ thông tin (chi tiết tại Phụ lục III).

- Việc giảm thuế GTGT vẫn áp dụng ở tất cả các khâu nhập khẩu, sản xuất, gia công, kinh doanh thương mại.

- Doanh nghiệp có hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế GTGT cần kê khai theo Mẫu số 01 tại Phụ lục IV Nghị định này cùng Tờ khai thuế GTGT.

- Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 30/06/2025

[Download](#)

Ngày 23/12/2024 Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 86/2024/TT-BTC quy định về đăng ký thuế, theo đó:

Thông tư này thay mới các quy định về đối tượng đăng ký thuế; nguyên tắc cấp mã số thuế (MST); thủ tục đăng ký mới, thay đổi thông tin đăng ký thuế; thủ tục thông báo tạm ngừng hoạt động, kinh doanh; thủ tục chấm dứt hiệu lực MST; thủ tục khôi phục MST; thủ tục đăng ký thuế đối với trường hợp chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi mô hình hoạt động;...

Một trong những điểm mới đáng chú ý của Thông tư này là bổ sung quy định về sử dụng số định danh cá nhân thay cho MST kể từ ngày 1/7/2025. Theo đó, người nộp thuế là cá nhân, người phụ thuộc đã có số định danh (gồm 12 chữ số do Bộ Công an cấp) thì được sử dụng mã định danh này thay cho MST. Đồng thời, người đại diện hộ gia đình, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã được cấp số định danh thì cũng được sử dụng mã định danh này thay cho MST của hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đó (xem khoản 5 Điều 5).

doanh đó (xem khoản 5 Điều 5).

- Các MST mà cơ quan thuế đã cấp cho cá nhân, hộ gia đình, hộ kinh doanh trước ngày 1/7/2025 được thực hiện đến hết ngày 30/6/2025. Kể từ ngày 1/7/2025, chuyển sang sử dụng số định danh cá nhân thay cho MST, bao gồm cả trường hợp kê khai điều chỉnh, bổ sung nghĩa vụ thuế phát sinh theo MST cũ.

- Đối với cá nhân là người có quốc tịch nước ngoài hoặc là người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài không có số định danh cá nhân thì vẫn được cơ quan thuế cấp MST 10 chữ số như quy định cũ (xem khoản 1 Điều 5).

Ngoài ra, đối với nhà thầu nước ngoài, theo quy định mới, trường hợp có nhiều nhà thầu nước ngoài thuộc diện nộp thuế trực tiếp với cơ quan thuế trên cùng 01 hợp đồng nhà thầu ký với bên Việt Nam và các nhà thầu có nhu cầu kê khai, nộp thuế riêng thì mỗi nhà thầu nước ngoài được cấp riêng 01 MST 10 số (xem khoản 4 Điều 5).

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06/02/2025 và thay thế Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020

[Download](#)





Ngày 25/11/2024 Cục Thuế tỉnh Bắc Giang ban hành Công văn số 8102/CTBGI-TTHT về chính sách thuế đối với xuất hóa đơn khi chuyển nhượng quyền thuê đất cho chi nhánh, theo đó:

- Công ty thuê đất trong khu công nghiệp và đã ký kết hợp đồng thuê đất trước khi thành lập chi nhánh, được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đã thực hiện thanh toán đủ tiền thuê đất cho chủ đầu tư khu công nghiệp, thì lô đất đi thuê thuộc quyền sở hữu của Công ty.

- Sau khi thành lập chi nhánh hạch toán độc lập, Công ty phải xuất hóa đơn chuyển lại quyền thuê đất trước đó cho chi nhánh để thực hiện dự án đầu tư (nếu được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận).

- Khi chi nhánh đầu tư xây dựng nhà xưởng, mua sắm nhập khẩu máy móc thiết bị để thực hiện dự án đầu tư trên phần diện tích đất mang tên chi nhánh thì các hóa đơn giao dịch phải do chi nhánh thực hiện và kê khai thuế giá trị gia tăng riêng đối với dự án đầu tư, nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế đối dự án đầu tư theo quy định

[Download](#)

Ngày 26/12/2024 Tổng cục Thuế ban hành Công văn số 6279/TCT-CS về tiền sử dụng đất, theo đó:

- Đối với các trường hợp đã có quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi hình thức thuê đất, gia hạn sử dụng đất... theo quy định của pháp luật đất đai trước ngày Luật Đất đai 2024 có hiệu lực (01/08/2024) nhưng chưa quyết định giá đất, tại tiết d khoản 2 Điều 257 Luật Đất đai 2024 có quy định về khoản tiền người sử dụng đất phải nộp bổ sung đối với thời gian chưa tính tiền sử dụng, tiền thuê đất. Khoản tiền nộp bổ sung này được tính theo quy định tại khoản 9 Điều 51 Nghị định 103/2024/NĐ-CP là bằng 5,4%/năm tính trên số tiền thuê đất phải nộp được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 257 Luật Đất đai 2024.

- Tổng cục Thuế cho biết, tại tiết d khoản 2 Điều 257 Luật Đất đai 2024 nêu trên không có quy định là chỉ thu khoản tiền nộp bổ sung đối với thời gian chưa tính tiền thuê đất hàng năm hay chỉ thu khoản tiền nộp bổ sung đối với thời gian chưa tính tiền thuê đất nộp một lần (tức người sử dụng đất phải nộp đồng thời 02 khoản: tiền thuê đất được xác định theo

khoản 2 Điều 257 Luật Đất đai 2024 và tiền bổ sung theo mức 5,4%/năm).

- Ngoài ra, tại Điều 9 Nghị định 71/2024/NĐ-CP, khoản 2 Điều 63 Nghị định 102/2024/NĐ-CP quy định về việc áp dụng phương pháp định giá đất để xác định giá đất tính thu tiền thuê đất là bao gồm cả trường hợp thuê đất trả tiền hàng năm và trường hợp thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê đối với các trường hợp quy định tại điểm a, b và c khoản 2 Điều 257 Luật Đất đai 2024

[Download](#)

Ngày 04/12/2024 Tổng cục Hải quan ban hành Công văn số 6060/TCHQ-TXNK về thông báo thuế đối với trường hợp doanh nghiệp bỏ trốn, không nộp báo cáo quyết toán, theo đó:

- Trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động, không hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh, giải thể, phá sản mà chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế (đối với hàng hoá xuất nhập khẩu), cơ quan Hải quan sẽ tính thuế, thông báo thuế, xác định số tiền thuế phải nộp cho các tổ chức, cá nhân có liên quan như:

+ Chủ sở hữu doanh nghiệp tư nhân, chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên, cổ đông góp vốn, thành viên góp vốn, thành viên hợp danh (tùy theo loại hình doanh nghiệp);

+ Các tổ chức tín dụng có quyền, nghĩa vụ liên quan;

+ Các cơ quan chức năng đang thụ lý, giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

- Vụ việc có dấu hiệu của tội buôn lậu, trốn thuế: thực hiện theo quy định tại Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự và hướng dẫn tại điểm b2, khoản 4, Điều 60, Thông tư số 38/2015/TT-BTC (sửa đổi, bổ sung tại khoản 39, Điều 1, Thông tư số 39/2018/TT-BTC) và điểm 3, Công văn số 7420/TCHQ-TXNK ngày 28/11/2019.

- Thông báo thuế của cơ quan hải quan sẽ áp dụng theo Mẫu số 01/TBXNK ban hành tại Phụ lục II Nghị định 126/2020/NĐ-CP.

[Download](#)

Ngày 08/10/2024 Tổng cục Hải quan ban hành Công văn số 5517/TCHQ-TXNK về khai bỏ sung sau hoàn thuế, theo đó:

- Khi làm thủ tục xuất khẩu sản phẩm: Khi xuất khẩu sản phẩm, doanh nghiệp phải kê khai trên tờ khai xuất khẩu về việc sản phẩm xuất khẩu được sản xuất từ hàng hoá nhập khẩu trước đây, theo quy định tại khoản 3, Điều 36, Nghị định số 134/2016/NĐ-CP.

- Khi làm thủ tục hoàn thuế: khi yêu cầu hoàn thuế, doanh nghiệp phải:

+ Kê khai chi tiết Mẫu số 10, Phụ lục VII (ban hành kèm Nghị định số 18/2021/NĐ-CP) về sản phẩm xuất khẩu, các tờ khai nhập khẩu tương ứng, lượng nguyên liệu vật tư đã sử dụng, và định mức sử dụng thực tế.

+ Nộp các chứng từ có liên quan theo quy định, để cơ quan Hải quan xem xét xử lý hoàn thuế nhập khẩu.

[Download](#)

Ngày 30/10/2024 Tổng cục Hải quan ban hành Công văn số 5302/TCHQ-GSQL về ghi nhãn hàng hóa xuất khẩu, theo đó:

- Quy tắc xuất xứ hàng hoá: Hàng xuất khẩu được thực hiện theo quy tắc xuất xứ hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 31/2018/NĐ-CP, Thông tư số 05/2018/TT-BCT (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 44/2023/TT-BCT) và các Thông tư quy định thực hiện quy tắc xuất xứ trong các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam tham gia.

- Xuất xứ ghi trên nhãn hàng hóa: Thực hiện theo quy định tại Điều 10, Nghị định số 43/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3, Điều 1, Nghị định số 111/2021/NĐCP) và Điều 15, Nghị định số 43/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7, Điều 1, Nghị định số 111/2021/NĐ-CP).

[Download](#)

Ngày 24/10/2024 Tổng cục Hải quan ban hành Công văn số 5177/TCHQ-GSQL về hàng hóa xuất khẩu gửi kho ngoại quan rồi nhập khẩu trở lại nội địa, theo đó:

- Về thuế suất áp dụng: Kho ngoại quan được công nhận là khu phi thuế quan theo Nghị định số 67/2020/NĐ-CP. Hàng hóa từ kho ngoại quan nhập khẩu vào nội địa được áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt tương ứng nếu đáp ứng các điều kiện trong Nghị định ban hành biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt.

- Về vận tải trực tiếp: Hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam vào kho ngoại quan và tái nhập khẩu vào nội địa, nếu không có bất kỳ sự can thiệp nào vào hàng hóa và được giám sát bởi cơ quan Hải quan, sẽ đáp ứng quy tắc về vận tải trực tiếp.

[Download](#)



Ngày 27/11/2024 Quốc hội ban hành Luật số 51/2024/QH15 về việc ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế, theo đó:

- Đối với người lao động trong nước, phải đóng BHYT nếu có hợp đồng lao động (HĐLĐ) từ đủ 1 tháng trở lên (quy định cũ chỉ bắt buộc đóng BHYT với người có HĐLĐ từ đủ 3 tháng trở lên), kể cả trường hợp người lao động và doanh nghiệp thoả thuận bằng tên gọi khác nhưng có nội dung thể hiện về việc làm có trả công, tiền lương và sự quản lý, điều hành, giám sát của một bên.

- Đối với người quản lý, điều hành doanh nghiệp, Luật này cũng đã bổ sung kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp vào diện phải đóng BHYT.

- Mức tiền lương tháng tối đa để tính số tiền đóng BHYT là 20 lần mức tham chiếu (quy định cũ là 20 lần mức lương cơ sở). Trước mắt, mức tham chiếu quy định tại Luật này được áp dụng theo mức lương cơ sở, trường hợp chính sách tiền lương có thay đổi, Chính phủ sẽ quyết định mức tham chiếu cụ thể.

- Bổ sung một số trường hợp sẽ được tính mức đóng, mức hưởng BHYT dựa theo mức tham chiếu

như: người nghỉ việc hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng, người nghỉ việc hưởng trợ cấp ốm đau dài ngày, người nghỉ hưởng chế độ thai sản do cơ quan BHXH đóng BHYT; người đóng BHYT hộ gia đình;...

- Về thời hạn đóng BHYT: bổ sung quy định về thời hạn đóng BHYT chậm nhất đối với doanh nghiệp. Theo đó, nếu doanh nghiệp đóng BHYT hàng tháng thì thời hạn đóng là ngày cuối cùng của tháng tiếp theo; nếu doanh nghiệp đóng BHYT theo phương thức đóng 03 tháng hoặc 06 tháng một lần thì thời hạn đóng là ngày cuối cùng của tháng tiếp theo ngay sau chu kỳ trước.

- Về phạm vi hưởng BHYT: bổ sung quy định cho hưởng BHYT đối với các trường hợp khám bệnh, chữa bệnh từ xa; khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, khám bệnh, chữa bệnh tại nhà.

- Về mức hưởng BHYT: bổ sung trường hợp được hưởng BHYT 100% (xem nội dung sửa đổi của Điều 22, Điều 23).

- Đáng chú ý, Luật này cũng đã quy định cụ thể về các trường hợp bị coi là chậm đóng, trốn đóng BHYT và hình thức, mức xử phạt tương ứng (xem phần sửa đổi, bổ sung Điều 48a, Điều 48b,

Điều 49)

Luật có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2025.

[Download](#)

Ngày 27/11/2024 Quốc hội ban hành Luật số 50/2024/QH15 về luật Công đoàn, theo đó:

- Từ ngày 01/7/2025, quyền thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn được quy định như sau:

+ Người lao động Việt Nam có quyền thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn.

+ Người lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam theo hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên được gia nhập và hoạt động công đoàn tại công đoàn cơ sở.

Như vậy, so với Luật Công đoàn 2012 thì Luật Công đoàn 2024 đã bổ sung quy định lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam theo hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên được gia nhập và hoạt động công đoàn tại công đoàn cơ sở.

- Bổ sung trường hợp miễn, giảm, tạm dừng đóng kinh phí công đoàn

[Download](#)



## Thông tin liên hệ

### TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 12 - Tòa nhà 167 Bùi Thị Xuân,  
P. Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Tel: (024) 6278.2904  
Fax: (024) 6278.2905  
Email: [anviet@anvietcpa.com](mailto:anviet@anvietcpa.com)

### VĂN PHÒNG HÀ NỘI

Tầng 9, tòa nhà AC - 78 Duy Tân,  
P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, Hà Nội  
Tel: (024) 3795.8705  
Fax: (024) 3795.8677  
Email: [anviet.hn@anvietcpa.com](mailto:anviet.hn@anvietcpa.com)

### VĂN PHÒNG HẢI PHÒNG

BH06-12A, Khu đô thị Vinhomes Imperia,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng  
Tel: (0225) 384.2430  
Fax: (0225) 384.2433  
Email: [anviet.hp@anvietcpa.com](mailto:anviet.hp@anvietcpa.com)



**Ông Vũ Bình Minh**

Tổng Giám đốc

Tel: 0904.347.726

Email: [minh.vu@anvietcpa.com](mailto:minh.vu@anvietcpa.com)



**Ông Đỗ Dương Tùng**

Phó Tổng Giám đốc

Tel: 0939 333 119

Email: [tung.do@anvietcpa.com](mailto:tung.do@anvietcpa.com)



**Bà Vũ Thị Hương Giang**

Phó Tổng Giám đốc

Tel: 0909 866 888

Email: [giang.vu@anvietcpa.com](mailto:giang.vu@anvietcpa.com)